

地點：全國花園鄉村俱樂部 NATIONAL GOLF CONUNTRY CLUB

2025年10月22日(星期三) Oct.22,2025

| 梯台 Tee 1 OUT Course | | | | |
|---------------------|------------|--|--------------------------|-------------------|
| 組別 Group | 時間 Time | 英文姓名 English name | 中文姓名 Chinese name | 國籍 Country |
| 1 | 8:30 | Chen Shou-cheng Hung Chi-kai (a) | 陳守成 洪棋劭a | TWN TWN |
| 2 | 8:40 | Yang Hsiao-che Yuta Yoshikuwa Chang Chung-yang (a) | 楊孝哲 吉乘 佑太 張忠揚a | TWN JPN TWN |
| 3 | 8:50 | Hsieh Chi-hsien Huang Chi Ian Peng | 謝繼賢 黃 頌 彭 雄 | TWN TWN TWN |
| 4 | 9:00 | Shen Wei-cheng Hung Chao-hsin Tsai Tsung-yu | 沈威成 洪朝鑫 蔡宗佑 | TWN TWN TWN |
| 5 | 9:10 | Su Ching-hung Hsieh Ting-Wei Shinichi Mizuno | 蘇晉弘 謝霆葳 水野 眞惟智 | TWN TWN JPN |
| 6 | 9:20 | Huang Yi-tseng Chen Yi-tong Ho Yu-cheng | 黃議增 陳裔東 何祐誠 | TWN TWN TWN |
| 7 | 9:30 | Tawit Polthai Wen Cheng Hsiang Lin Chie-Hsiang | 塔維特·波爾泰 溫楨祥 林吉祥 | THA TWN TWN |
| 8 | 9:40 | Warun leamgaew Fan Chiang , Hao-chuan Lin Yi-cheng (a) | 瓦萬·利姆高 范姜皓詮 林翊丞a | THA TWN TWN |
| 9 | 9:50 | Tsai Kai-jen Varanyu Rattanaphiboonkij Liu Yen-hung | 蔡凱任 瓦蘭尤·拉塔納菲本基 劉嚴鴻 | TWN THA TWN |
| 10 | 10:00 | Yeh Yu-chen Yu-chia Chiu Chiang Che-shens (a) | 葉昱辰 邱昱嘉 江則陞a | TWN TWN TWN |
| 11 | 10:10 | Chan Chia-han Yu-Cheng Chang Tsai Yu-Chia (a) | 詹佳翰 張宇誠 蔡侑家a | TWN TWN TWN |
| 12 | 10:20 | K.P. Lin Liu Yu-jui Zeng Si-en (a) | 林冠伯 劉又睿 曾偲恩a | TWN TWN TWN |
| 13 | 10:30 | Kao Teng Hsu Yu-cheng Chin Xi-en (a) | 高 藤 許育誠 金喜恩a | TWN TWN TWN |
| 14 | 10:40 | Hsu Mong-nan Christopher Chung Hei Cheng Hsu Sheng-chieh (a) | 許孟男 鄭從熹 許勝傑a | TWN HKG TWN |

| 梯台 Tee 10 IN Course | | | | |
|---------------------|------------|--|----------------------|-------------------|
| 組別 Group | 時間 Time | 英文姓名 English name | 中文姓名 Chinese name | 國籍 Country |
| 15 | 8:30 | Xin Wen Wang Shih-jui Hsieh Ping-han (a) | 溫 新 王士瑞 謝秉翰a | TWN TWN TWN |
| 16 | 8:40 | Lin Yi-Yuan Wei-sheng Chen Chen Jun (a) | 林義淵 陳威勝 陳 駿a | TWN TWN TWN |
| 17 | 8:50 | Huang Hsiang-hao Kung Te-shu Chen Chia-yo (a) | 黃祥豪 孔德恕 陳嘉佑a | TWN TWN TWN |
| 18 | 9:00 | Lee Chin-chou Chen Yu-yu Chiang Chen-chih | 李謹州 陳佑宇 蔣宸艷 | TWN TWN TWN |
| 19 | 9:10 | Chuan-wei Fang Tsai Shang-kai Kuo, Chieh Lun (a) | 方傳崑 蔡尚愷 郭杰倫a | TWN TWN TWN |
| 20 | 9:20 | Lu Sun-yi Lin Keng-wei Hsieh Po-cheng (a) | 呂孫儀 林耕緯 謝博丞a | TWN TWN TWN |
| 21 | 9:30 | Tsai Chin-yang Yeh Chia-yin Chang Tong-kai (a) | 蔡勁暘 葉佳胤 張童凱a | TWN TWN TWN |
| 22 | 9:40 | Tseng Fu-tung Yao-wei Wu Hsieh Kun-lin (a) | 曾豐棟 巫耀微 謝坤霖a | TWN TWN TWN |
| 23 | 9:50 | Ta-yu Lin Liu Yen-chun Hsu Chao-wei (a) | 林大鎬 劉嚴駿 徐兆維a | TWN TWN TWN |
| 24 | 10:00 | Wang Hsi-an Hsieh Min-hsuan Tsai Yuen-ting (a) | 王璽安 謝旻軒 蔡岳廷a | TWN TWN TWN |
| 25 | 10:10 | Lin Yung-lung Lee Chao-hua Shen Chen (a) | 林永龍 李昭樺 陳 申a | TWN TWN TWN |
| 26 | 10:20 | Chang Tse-yu Tse Sen Liu Lai Yu-ting (a) | 張哲瑜 劉澤森 賴宥廷a | TWN TWN TWN |
| 27 | 10:30 | Chiu Han-Ting Chen Wei-hao Juan Yi-kai (a) | 邱瀚霆 陳漳濤 阮益豈a | TWN TWN TWN |